

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG**  
**Địa chỉ : Lô II-1, II-2, II-3, Khu C mở rộng, Khu Công nghiệp Sa Đéc**  
**Thị xã Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp**  
**Điện thoại : (067) 3764 159      Fax : (067) 3763 488**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**GIỮA NIÊN ĐỘ**

**NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2012**

**THÁNG 07 NĂM 2012**

## MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Bảng cân đối kế toán	2 – 5
3. Kết quả hoạt động kinh doanh	6
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7 – 8
5. Bản thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 39

\*\*\*\*\*

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2012

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.177.990.978.252</b>	<b>651.367.700.619</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.1	<b>21.403.747.887</b>	<b>140.425.369.404</b>
1. Tiền	111		21.403.747.887	45.225.369.404
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	95.200.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>4.200.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	4.200.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>364.733.387.846</b>	<b>201.465.729.588</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	317.199.815.730	183.681.276.258
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	34.405.979.444	7.198.978.548
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	15.204.857.508	11.947.834.594
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.2	(2.077.264.836)	(1.362.359.812)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>766.018.177.263</b>	<b>292.777.787.214</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.5	766.018.177.263	292.777.787.214
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>25.835.665.256</b>	<b>12.498.814.413</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	506.749.502	239.965.775
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		22.578.885.153	7.451.403.992
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	2.750.030.601	4.807.444.646

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG**

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2012

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>248.912.850.513</b>	<b>210.571.358.926</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>238.114.247.354</b>	<b>199.501.984.255</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	197.091.216.706	196.859.701.566
<i>Nguyên giá</i>	222		287.045.998.172	273.273.366.416
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(89.954.781.466)	(76.413.664.850)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	1.227.051.527	1.286.222.075
<i>Nguyên giá</i>	228		1.691.468.775	1.691.468.775
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(464.417.248)	(405.246.700)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	39.795.979.121	1.356.060.614
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>10.798.603.159</b>	<b>11.069.374.671</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	7.819.820.507	8.303.199.103
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.12	2.978.782.652	2.766.175.568
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.426.903.828.765</b>	<b>861.939.059.545</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THĂNG**

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2012

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>932.040.295.387</b>	<b>414.050.562.351</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>930.479.997.887</b>	<b>412.460.352.351</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13	610.190.874.132	280.725.258.182
2. Phải trả người bán	312	V.14	248.954.514.169	70.104.051.142
3. Người mua trả tiền trước	313	V.15	1.337.833.018	2.055.362.444
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	16.986.856.773	19.295.759.633
5. Phải trả người lao động	315		-	-
6. Chi phí phải trả	316	V.17	39.509.404.350	34.851.046.887
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	6.016.138.272	2.759.945.385
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.19	7.484.377.173	2.668.928.678
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.560.297.500</b>	<b>1.590.210.000</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.20	1.560.297.500	1.590.210.000
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>494.863.533.378</b>	<b>447.888.497.194</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>494.863.533.378</b>	<b>447.888.497.194</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.21	180.255.090.000	180.255.090.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.21	71.000.000.000	71.000.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.21	24.874.229.495	7.402.234.510
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.21	29.451.811.059	11.979.816.074
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.21	189.282.402.824	177.251.356.610
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.426.903.828.765</b>	<b>861.939.059.545</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2012

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
		Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		16.173,21	62.766,53
Euro (EUR)		7.032,19	14.042,87
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Sa Đéc, ngày 17 tháng 07 năm 2012

Nguyễn Ngọc Thắm  
Người lập biểu

Huỳnh Văn Hoàng  
Kế toán trưởng

Nguyễn Quang Hiền  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG**

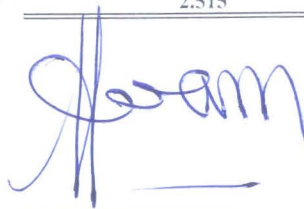
Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2012

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2		Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
					Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V1.1	904.258.714.932	822.483.134.497	1.730.022.577.279	1.480.879.726.172
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	V1.1	21.332.352.090	14.761.811.364	40.369.021.661	26.909.654.678
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	V1.1	882.926.362.842	807.721.323.133	1.689.653.555.618	1.453.970.071.494
4. Giá vốn hàng bán	11	V1.2	810.918.687.625	723.662.189.294	1.562.252.124.877	1.302.233.876.580
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		72.007.675.217	84.059.133.839	127.401.430.741	151.736.194.914
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V1.3	1.207.412.209	2.071.151.337	2.489.875.417	5.276.892.066
7. Chi phí tài chính	22	V1.4	15.680.671.917	8.794.988.850	23.691.822.601	48.747.820.707
Trong đó: chi phí lãi vay	23		14.672.535.527	7.357.470.167	21.875.632.746	13.816.484.966
8. Chi phí bán hàng	24	V1.5	4.486.450.735	3.435.786.926	7.856.974.781	6.439.433.460
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	V1.6	4.877.282.293	12.082.345.394	8.363.014.563	16.133.824.749
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		48.170.682.481	61.817.164.006	89.979.494.213	85.692.008.064
11. Thu nhập khác	31	V1.7	1.037.873.118	749.851.082	1.789.234.014	2.749.677.122
12. Chi phí khác	32	V1.8	211.262	4.524.486	1.420.440	4.813.736
13. Lợi nhuận khác	40		1.037.661.856	745.326.596	1.787.813.574	2.744.863.386
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		49.208.344.337	62.562.490.602	91.767.307.787	88.436.871.450
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	5.112.222.600	6.189.960.283	7.428.016.692	7.666.240.102
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(1.232.004.066)	(1.419.402.563)	(212.607.084)	(655.710.598)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		45.328.125.803	57.791.932.882	84.551.898.179	81.426.341.946
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V1.9	2.515	3.206	4.691	4.517


Nguyễn Ngọc Thắm  
Người lập biểu

Huỳnh Văn Hoàng  
Kế toán trưởng

Sa Đéc, ngày 17 tháng 07 năm 2012

Nguyễn Quang Hiền  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THĂNG**

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp  
 Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2012

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ****(Theo phương pháp gián tiếp)****Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		91.767.307.787	88.436.871.450
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.8, 9	13.600.287.164	10.083.639.185
- Các khoản dự phòng	03	V.2	714.905.024	7.545.545.883
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	(433.017.831)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(2.210.962.818)	(3.048.824.480)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	21.875.632.746	13.816.484.966
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		125.747.169.903	116.400.699.173
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(179.223.744.443)	26.974.133.549
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(473.240.390.049)	(37.348.029.771)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		195.238.254.205	(54.250.063.716)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		216.594.869	(315.281.485)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(18.709.333.465)	(13.816.484.966)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.16	(15.812.361.651)	(2.389.172.734)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	VII.1	16.199.781.186	52.691.912.374
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	VII.2	(19.751.817.141)	(65.063.305.001)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(369.335.846.586)</b>	<b>22.884.407.423</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(58.554.090.199)	(35.790.435.503)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		4.200.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	2.210.962.818	3.048.824.480
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(52.143.127.381)</b>	<b>(32.741.611.023)</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THĂNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp  
Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2012

## Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.13	946.568.763.497	458.351.025.702
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.13	(617.103.147.547)	(523.044.288.810)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.18, 21	(27.008.263.500)	(27.038.263.500)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>302.457.352.450</i>	<i>(91.731.526.608)</i>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(119.021.621.517)</b>	<b>(101.588.730.208)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	140.425.369.404	186.441.619.295
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(12.318.643)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>21.403.747.887</b>	<b>84.840.570.444</b>

Sa Đéc, ngày 17 tháng 07 năm 2012

Nguyễn Ngọc Thắm  
Người lập biểu

Huỳnh Văn Hoàng  
Kế toán trưởng

Nguyễn Quang Hiền  
Tổng Giám đốc

# **CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG**

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012**

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến, dịch vụ, thương mại
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất, gia công chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; Mua bán nguyên liệu chế biến thức ăn thủy sản, gia súc.
4. **Nhân viên**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012 Công ty có 578 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 557 nhân viên).

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

1. **Năm tài chính**  
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

1. **Chế độ kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**  
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**  
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

### 3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

### 4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

### 5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25
Máy móc và thiết bị	2 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 10

### 6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

#### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ....

#### *Phần mềm máy tính*

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 4 năm.

#### *Bản quyền chương trình tổ hợp khẩu phần*

Nguyên giá của bản quyền là toàn bộ chi phí bỏ ra để có bản quyền chương trình tổ hợp khẩu phần. Bản quyền chương trình tổ hợp khẩu phần được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

### 7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG**

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### **8. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

### **9. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này

### **10. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

### **11. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

Chi phí phải trả bao gồm cả khoản trích trước chiết khấu, hoa hồng bán hàng sẽ được giảm trừ trên hóa đơn cho số lượng hàng hóa đã tiêu thụ hoặc chi bằng tiền mặt.

### **12. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp**

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại Công ty, và được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan, và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trả trợ cấp cho người lao động thôi việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

### **13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ**

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG**

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

#### **14. Cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

#### **15. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

##### ***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

##### ***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

#### **16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2011 : 20.828 VND/USD  
27.633 VND/EUR  
30/06/2012 : 20.828 VND/USD  
27.633 VND/EUR

## **CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG**

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### **17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

#### ***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

#### ***Doanh thu gia công***

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận khi hàng hoá đã được gia công xong và được khách hàng chấp nhận. Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

#### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

### **18. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

### **19. Công cụ tài chính**

*Công cụ tài chính Ghi nhận ban đầu và trình bày*

#### **Tài sản tài chính**

Theo Thông tư 210, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG**

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, nợ và vay.

#### *Giá trị sau ghi nhận lần đầu*

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

#### *Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính nếu, và chỉ nếu đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.



## CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	427.781.351	294.032.026
Tiền gửi ngân hàng	20.975.966.536	44.931.337.378
Các khoản tương đương tiền		95.200.000.000
<i>Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống</i>		
<b>Cộng</b>	<b><u>21.403.747.887</u></b>	<b><u>140.425.369.404</u></b>

#### 2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bên thứ ba	292.219.845.936	160.849.801.534
Các bên liên quan	24.979.969.794	22.831.474.724
<b>Cộng</b>	<b><u>317.199.815.730</u></b>	<b><u>183.681.276.258</u></b>
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(2.077.264.836)	(1.362.359.812)
<b>Giá trị thuần</b>	<b><u>315.122.550.894</u></b>	<b><u>182.318.916.446</u></b>

Như được trình bày trong thuyết minh số V.13, Công ty đã thế chấp khoản phải thu để đảm bảo khoản vay ngân hàng.

#### 3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bên liên quan	18.573.974.822	-
Bên thứ ba	15.832.004.622	7.198.978.584
<b>Cộng</b>	<b><u>34.405.979.444</u></b>	<b><u>7.198.978.584</u></b>

#### 4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế giá trị gia tăng chưa kê khai	13.644.213.333	7.053.090.600
Phải thu tiền bồi thường bảo hiểm	-	46.416.000
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	458.813.889
Cho mượn tạm nguyên liệu	-	4.246.186.747
Phải thu khác	1.560.644.175	143.327.358
<b>Cộng</b>	<b><u>15.204.857.508</u></b>	<b><u>11.947.834.594</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

**Bán thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

#### 5. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi trên đường	352.644.721.575	8.727.709.343
Nguyên liệu, vật liệu	385.772.486.804	203.136.361.829
Thành phẩm	<u>27.600.968.884</u>	<u>80.913.716.042</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>766.018.177.263</u></b>	<b><u>292.777.787.214</u></b>

Như được trình bày trong Thuyết minh số V.13, Công ty đã thế chấp hàng tồn kho để đảm bảo khoản vay ngân hàng.

#### 6. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí bảo hiểm	205.790.875	239.965.775
Tiền thuê đất và phí hạ tầng khu công nghiệp	<u>300.958.627</u>	-
<b>Cộng</b>	<b><u>506.749.502</u></b>	<b><u>239.965.775</u></b>

#### 7. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	113.700.000	-
Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn	<u>2.636.330.601</u>	<u>4.807.444.646</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>2.750.030.601</u></b>	<b><u>4.807.444.646</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG**

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu kỳ	75.946.767.567	171.026.382.474	22.633.075.982	3.667.140.393	273.273.366.416
Mua sắm mới	1.398.323.636	10.903.120.214	73.910.000	61.461.372	12.436.815.222
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.227.990.427	107.826.107	-	-	1.335.816.534
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>78.573.081.630</b>	<b>182.037.328.795</b>	<b>22.706.985.982</b>	<b>3.728.601.765</b>	<b>287.045.998.172</b>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	64.839.307	1.528.703.422	627.721.600	433.959.396	2.655.223.725
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu kỳ	16.413.904.845	51.049.900.879	7.220.287.130	1.729.571.996	76.413.664.850
Khấu hao trong kỳ	2.623.023.558	9.477.145.329	1.196.835.744	244.111.985	13.541.116.616
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>19.036.928.403</b>	<b>60.527.046.208</b>	<b>8.417.122.874</b>	<b>1.973.683.981</b>	<b>89.954.781.466</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu kỳ	59.532.862.722	119.976.481.595	15.412.788.852	1.937.568.397	196.859.701.566
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>59.536.153.227</b>	<b>121.510.282.587</b>	<b>14.289.863.108</b>	<b>1.754.917.784</b>	<b>197.091.216.706</b>

Như đã trình bày trong thuyết minh số V.13, Công ty đã thế chấp máy móc và thiết bị để đảm bảo các khoản vay ngân hàng.

**9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền	Phần mềm quản lý tổng thể	Cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu kỳ	954.750.000	390.522.000	346.196.775	1.691.468.775
Mua trong kỳ	-	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>954.750.000</b>	<b>390.522.000</b>	<b>346.196.775</b>	<b>1.691.468.775</b>
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	185.250.000	185.250.000
<b>Giá trị hao mòn</b>				
Số đầu kỳ	-	219.996.700	185.250.000	405.246.700
Khấu hao trong kỳ	-	39.052.200	20.118.348	59.170.548
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>259.048.900</b>	<b>205.368.348</b>	<b>464.417.248</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu kỳ	954.750.000	170.525.300	160.946.775	1.286.222.075
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>954.750.000</b>	<b>131.473.100</b>	<b>140.828.427</b>	<b>1.227.051.527</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

#### 10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cải tạo hệ thống nôi hơi và nhà nôi hơi	-	909.644.142
Công trình nhà kho trấu và hệ thống tải trấu	-	423.065.285
Dây chuyền sản xuất thức ăn cá line 9	39.795.979.121	20.244.080
Hệ thống cân đồng bao tự động	-	3.107.107
<b>Cộng</b>	<b><u>39.795.979.121</u></b>	<b><u>1.356.060.614</u></b>

#### 11. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Quyền sử dụng đất	7.155.003.861	7.462.542.477
Công cụ, dụng cụ	664.816.646	840.656.626
<b>Cộng</b>	<b><u>7.819.820.507</u></b>	<b><u>8.303.199.103</u></b>

#### 12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012</i>	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011</i>
Số đầu kỳ	2.766.175.568	2.116.713.706
Số phát sinh	212.607.084	655.710.598
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>2.978.782.652</u></b>	<b><u>2.772.424.304</u></b>

#### 13. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	610.190.874.132	280.725.258.182
<b>Cộng</b>	<b><u>610.190.874.132</u></b>	<b><u>280.725.258.182</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

<i>Ngân hàng</i>	<i>Số cuối kỳ VNĐ</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
<i>Vay ngắn hạn</i>				
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Long An	229.612.575.037	4-6 tháng kể từ ngày giải ngân	5,50%/năm cho khoản vay bằng USD và từ 12,50% đến 15,00%/năm cho khoản vay bằng VNĐ	Nhà máy sản xuất thức ăn thủy sản (Sa Đéc 2) và quyền sử dụng đất tại Lô II-1, II-2, II- 3, Khu Công nghiệp Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp. Tính chấp
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sa Đéc	117.599.597.727	6 tháng kể từ ngày giải ngân	13,00%/năm	Máy móc thiết bị, nhà xưởng, phương tiện truyền tải và thiết bị dụng cụ quản lý tại nhà máy sản xuất thức ăn thủy sản Khu công nghiệp Sông Hậu.
Ngân hàng TNHH Một thành viên Hong Leong Việt Nam	59.736.975.000	4 tháng kể từ ngày giải ngân	Từ 11,70% đến 13,00%/năm	Các khoản phải thu và hàng tồn kho với tổng giá trị tương đương với tổng dư nợ gốc và lãi, tối đa là 60.000.000.000 VNĐ
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam)	109.109.327.429	3 -4 tháng kể từ ngày giải ngân	Từ 11,70% đến 12,00%/năm	Hàng luân chuyển trong kho Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp
Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (Việt Nam)	94.132.398.939	3 tháng kể từ ngày giải ngân	Từ 11,65% đến 12,00%/năm	Quyền ưu tiên thứ nhất các khoản phải thu và hàng tồn kho với giá trị còn lại tối thiểu tương đương với số tiền gốc chưa được thanh toán
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>610.190.874.132</b>			

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	280.725.258.182	946.568.763.497	617.103.147.547	610.190.874.132
<b>Cộng</b>	<b>280.725.258.182</b>	<b>946.568.763.497</b>	<b>617.103.147.547</b>	<b>610.190.874.132</b>

#### 14. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các bên liên quan	125.477.429.407	20.385.472.394
Bên thứ ba	123.477.084.762	49.718.578.748
<b>Cộng</b>	<b>248.954.514.169</b>	<b>70.104.051.142</b>

#### 15. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bên liên quan	-	-
Bên thứ ba	1.337.833.018	2.055.362.444
<b>Cộng</b>	<b>1.337.833.018</b>	<b>2.055.362.444</b>

#### 16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	7.053.090.600	24.442.743.319	17.851.620.586	13.644.213.333
Thuế xuất, nhập khẩu	361.860.949	1.689.530.367	2.051.391.316	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.684.038.028	7.428.016.692	15.812.361.651	3.299.693.069
Thuế thu nhập cá nhân	196.770.056	1.163.962.834	1.317.782.519	42.950.371
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>19.295.759.633</b>	<b>34.728.253.212</b>	<b>37.037.156.072</b>	<b>16.986.856.773</b>

#### Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Sản phẩm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản	5%
Thanh lý tài sản, bao bì phế liệu	10%

#### Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

### ***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

Công ty đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp cấp các Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư về miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp như sau: Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 08/UB-UĐĐT ngày 21 tháng 3 năm 2003, Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 12/UB-UĐĐT ngày 16 tháng 9 năm 2004 và Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 09/UĐĐT/UBND ngày 11 tháng 7 năm 2005.

Theo các giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản với thuế suất thuế 15% trong 12 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 3 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 7 năm tiếp theo. Năm 2004 là năm đầu tiên Công ty có thu nhập từ dự án đầu tư.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012</i>	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<b>91.767.307.787</b>	<b>88.436.871.450</b>
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	3.098.035.401	9.557.939.064
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế	<b>94.865.343.188</b>	<b>97.994.810.514</b>
- Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chính	93.076.109.174	96.185.500.152
- Thu nhập khác	1.789.234.014	1.809.310.362
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông	25%	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>	<b>23.716.335.797</b>	<b>24.498.702.629</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông</b>	<b>9.307.610.917</b>	<b>(9.618.550.015)</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm</b>	<b>(6.980.708.188)</b>	<b>(7.213.912.512)</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>7.428.016.692</b>	<b>7.666.240.102</b>

### ***Các loại thuế khác***

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG**

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****17. Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí hoa hồng, khuyến mãi, hỗ trợ	1.073.838.453	1.449.846.123
Chiết khấu thương mại	35.005.701.216	32.474.386.655
Chi phí lãi vay phải trả	3.166.299.281	554.008.489
Chi phí phải trả khác	263.565.400	372.805.620
<b>Cộng</b>	<b><u>39.509.404.350</u></b>	<b><u>34.851.046.887</u></b>

**18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội	434.584.800	-
Cổ tức phải trả	30.000.000	-
Nguyên liệu nhập kho chưa có hóa đơn	3.301.259.700	-
Phải trả khác	2.250.293.772	2.759.945.385
<b>Cộng</b>	<b><u>6.016.138.272</u></b>	<b><u>2.759.945.385</u></b>

**19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Quỹ khen thưởng	4.066.791.583	1.872.142.335
Quỹ phúc lợi	3.417.585.590	796.786.343
<b>Cộng</b>	<b><u>7.484.377.173</u></b>	<b><u>2.668.928.678</u></b>

**20. Dự phòng trợ cấp mất việc làm**

	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012</i>	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011</i>
Số đầu kỳ	1.590.210.000	905.645.320
Số trích lập bổ sung	-	-
Số đã chi	(29.912.500)	(131.077.500)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>1.560.297.500</u></b>	<b><u>774.567.820</u></b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

#### 21. Vốn chủ sở hữu

##### *Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn góp	Thặng dư vốn	Quỹ đầu tư và phát triển	Quỹ dự phòng đầu tư tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2010	180.255.090.000	71.000.000.000	2.032.904.796	6.610.486.360	70.862.258.048	330.760.739.204
Lợi nhuận trong kỳ					81.426.341.946	81.426.341.946
Phân phối lợi nhuận			5.369.329.714	5.369.329.714	(10.738.659.428)	-
Chuyển vào quỹ khen thưởng và phúc lợi					(2.684.664.857)	(2.684.664.857)
Cổ tức công bố					(27.038.263.500)	(27.038.263.500)
Tăng (giảm) khác					(534.000.000)	(534.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2011	<b>180.255.090.000</b>	<b>71.000.000.000</b>	<b>7.402.234.510</b>	<b>11.979.816.074</b>	<b>111.293.012.209</b>	<b>381.930.152.793</b>
<b>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2011	180.255.090.000	71.000.000.000	7.402.234.510	11.979.816.074	177.251.356.610	447.888.497.194
Lợi nhuận trong kỳ					84.551.898.179	84.551.898.179
Phân phối lợi nhuận			17.471.994.985	17.471.994.985	(34.943.989.970)	-
Chuyển vào quỹ khen thưởng và phúc lợi					(5.241.598.495)	(5.241.598.495)
Chia cổ tức đợt 2 năm 2011					(27.038.263.500)	(27.038.263.500)
Giảm khác					(5.297.000.000)	(5.297.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2012	<b>180.255.090.000</b>	<b>71.000.000.000</b>	<b>24.874.229.495</b>	<b>29.451.811.059</b>	<b>189.282.402.824</b>	<b>494.863.533.378</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Vốn điều lệ theo Giấy phép Đăng ký Kinh doanh		% Vốn đầu tư đã góp sở hữu tại ngày 30 tháng 6 năm 2012
	VND		VND
Công ty Cổ phần Nuôi trồng Thủy sản Hùng Vương Miền Tây	56.300.000.000	31%	56.300.000.000
Các cổ đông khác	123.955.090.000	69%	123.955.090.000
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>180.255.090.000</b>	<b>100%</b>	<b>180.255.090.000</b>

#### Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011
Trả cổ tức năm trước	27.038.263.500	27.038.263.500
<b>Cộng</b>	<b>27.038.263.500</b>	<b>27.038.263.500</b>

Ngày 16 tháng 04 năm 2012 Nghị Quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2012 đã thông qua phương án phân phối cổ tức từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2011 là 30% vốn điều lệ cho các cổ đông theo tỷ lệ sở hữu, tương ứng với giá trị là 54.076.527.000 đồng. Theo đó 15% đã được chi tạm ứng trong năm 2011 và 15% cổ tức công bố còn lại được chi trong tháng 05 năm 2012.

#### Cổ phiếu

	30 tháng 6 năm 2012		30 tháng 6 năm 2011	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND
<b>Cổ phiếu được phép phát hành</b>	18.025.509	180.255.090.000	18.025.509	180.255.090.000
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	18.025.509	180.255.090.000	18.025.509	180.255.090.000
Cổ phiếu phổ thông	18.025.509	180.255.090.000	18.025.509	180.255.090.000

Ngày 16 tháng 04 năm 2012 Nghị Quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2012 đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu phổ thông chào bán nhà đầu tư, tăng vốn điều lệ. Đến ngày 17 tháng 05 năm 2012 Nghị Quyết HĐQT đã triển khai phương án chào bán cổ phần với số lượng cổ phần chào bán là 3.000.000 cổ phần và với giá bán không thấp hơn 20.000 đồng/cổ phần.

Ngày 15 tháng 07 năm 2012 Nghị Quyết HĐQT đã thông qua việc phân phối cổ phần cho nhà đầu tư. Theo đó, 3.000.000 cổ phần phát hành thêm với giá là 20.000 đồng/cổ phần đã được bán cho Công ty cổ phần Hùng Vương. Ngày thu tiền dự kiến chậm nhất là 20 tháng 07 năm 2012.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG**

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

Tổng tiền thu được từ việc bán cổ phần Công ty sẽ tăng vốn điều lệ từ 180.255.090.000 đồng lên 210.255.090.000 đồng, và sử dụng vào mục đích đầu tư vào hệ thống kho xá tại Nhà Máy Sa Đéc 2, hệ thống Silô, kho dự trữ nguyên liệu tại Nhà máy Lai Vung và bổ sung vốn lưu động.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG**

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012</i>	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011</i>
Tổng doanh thu	<b>1.730.022.577.279</b>	<b>1.480.879.726.172</b>
- Doanh thu bán thành phẩm	1.730.022.577.279	1.474.303.066.142
- Doanh thu bán nguyên vật liệu	-	6.576.660.030
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(40.369.021.661)	(26.909.654.678)
- Chiết khấu thương mại	(40.369.021.661)	(26.909.074.678)
- Giảm giá hàng bán	-	(580.000)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>1.689.653.555.618</b>	<b>1.453.970.071.494</b>
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	1.689.653.555.618	1.447.393.411.464
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ gia công	-	6.576.660.030

**2. Giá vốn hàng bán**

	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012</i>	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011</i>
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp <sup>(1)</sup>	1.562.252.124.877	1.295.843.063.946
Giá vốn bán nguyên vật liệu	-	6.390.812.634
<b>Cộng</b>	<b>1.562.252.124.877</b>	<b>1.302.233.876.580</b>

<sup>(1)</sup> Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp như sau:

	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012</i>	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011</i>
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	1.425.063.081.572	1.249.435.761.604
Chi nhân công trực tiếp	10.742.691.723	8.923.872.887
Chi phí sản xuất chung	73.133.604.424	59.265.099.591
Tổng chi phí sản xuất	1.508.939.377.719	1.317.624.734.082
Tổng giá thành sản xuất	1.508.939.377.719	1.317.624.734.082
Chênh lệch tồn kho thành phẩm	(53.312.747.158)	(21.809.417.461)
<b>Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp</b>	<b>1.562.252.124.877</b>	<b>1.295.815.316.618</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012</i>	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011</i>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.210.962.818	3.048.824.480
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	276.853.793	513.196.503
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.058.806	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	433.017.831
<b>Cộng</b>	<b>2.489.875.417</b>	<b>5.276.892.066</b>

### 4. Chi phí tài chính

	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012</i>	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011</i>
Chi phí lãi vay	21.875.632.746	13.816.484.966
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.816.189.855	34.931.335.741
<b>Cộng</b>	<b>23.691.822.601</b>	<b>48.747.820.707</b>

### 5. Chi phí bán hàng

	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012</i>	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011</i>
Chi phí cho nhân viên	2.649.539.304	1.946.090.083
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	30.902.364	6.897.728
Chi phí khấu hao tài sản cố định	258.920.743	147.572.328
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.929.440.515	2.308.752.507
Chi phí hoa hồng, môi giới bán hàng	708.990.014	1.046.946.143
Chi phí khác	1.279.181.841	983.174.671
<b>Cộng</b>	<b>7.856.974.781</b>	<b>6.439.433.460</b>

### 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012</i>	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011</i>
Chi phí cho nhân viên	3.736.645.996	4.732.373.689
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	115.630.277	65.922.857
Chi phí đồ dùng văn phòng	312.251.114	270.160.967
Chi phí khấu hao tài sản cố định	683.338.708	732.312.572
Thuế, phí và lệ phí	8.552.000	4.097.500

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG**

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012</i>	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011</i>
Chi phí dự phòng	714.905.024	7.545.545.883
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.726.488.104	1.362.192.883
Chi phí khác	1.065.203.340	1.421.218.398
<b>Cộng</b>	<b>8.363.014.563</b>	<b>16.133.824.749</b>
<b>7. Thu nhập khác</b>		
	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012</i>	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011</i>
Thu bán phế liệu	1.788.067.455	1.126.214.156
Thu từ khuyến mãi hàng mua	-	1.382.036.000
Thu nhập khác	1.166.559	241.426.966
<b>Cộng</b>	<b>1.789.234.014</b>	<b>2.749.677.122</b>
<b>8. Chi phí khác</b>		
	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012</i>	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011</i>
Thuế bị phạt, bị truy thu	882.159	200.000
Chi phí khác	538.281	4.613.736
<b>Cộng</b>	<b>1.420.440</b>	<b>4.813.736</b>
<b>9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông chia cho số lượng bình quân của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.		
	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012</i>	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011</i>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	84.551.898.179	81.426.341.946
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	18.025.509	18.025.509
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>4.691</b>	<b>4.517</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

### 10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012</i>	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.469.943.226.298	1.285.127.825.595
Chi phí nhân công	24.015.810.985	19.798.503.665
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.600.287.164	10.083.639.185
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.830.067.909	14.460.858.908
Chi phí khác	3.769.974.707	10.727.164.938
<b>Cộng</b>	<b>1.525.159.367.063</b>	<b>1.340.197.992.291</b>

### VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

#### 1. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh

	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012</i>	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011</i>
Thu tiền ký quỹ mở L/C nhập khẩu	16.199.781.186	52.618.118.031
Thu tiền ký quỹ thuê kho	-	73.794.343
<b>Cộng</b>	<b>16.199.781.186</b>	<b>52.691.912.374</b>

#### 2. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh

	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012</i>	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011</i>
Chi tiền ký quỹ mở L/C nhập khẩu	13.834.837.141	64.193.551.001
Chi tiền ký quỹ thuê kho	193.830.000	182.754.000
Chi thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	297.000.000	534.000.000
Chi quỹ khen thưởng, phúc lợi	426.150.000	153.000.000
Chi thưởng Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	5.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>19.751.817.141</b>	<b>65.063.305.001</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Giao dịch với các bên liên quan

##### *Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012</i>	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011</i>
Tiền lương	1.340.728.766	1.142.462.922
Phụ cấp	14.100.000	12.300.000
Tiền thưởng, khác	162.384.616	325.846.154
<b>Cộng</b>	<b>1.517.213.382</b>	<b>1.480.609.076</b>

##### *Giao dịch với các bên liên quan khác*

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan khác trong kỳ bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số tiền VNĐ</i>
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy sản An Giang	Bên liên quan	Bán thức ăn cá	100.837.681.301
DNTN Việt Tiến	Sở hữu bởi Ông Mã Minh Quang, thành viên Hội đồng quản trị ("HĐQT")	Bán thức ăn cá Mua nguyên vật liệu	650.546.400 58.321.031.322
Công ty TNHH Cao Trí	Sở hữu bởi Ông Nguyễn Văn Thắng, thành viên HĐQT	Bán thức ăn cá Mua nguyên vật liệu	16.325.475.951 53.826.086.600
Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản An Lạc	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	5.510.601.720
Công ty Cổ phần Hùng Vương	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	353.020.508.061
Công ty TNHH Minh Huy	Sở hữu bởi Ông Nguyễn Minh Bạ, thành viên HĐQT	Mua nguyên vật liệu	75.258.597.600



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG**

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Công ty cổ phần Hóa Chất Phúc Lâm	Tổng giám đốc Ông Lương Nam Hữu, thành viên HĐQT	Mua nguyên vật liệu	2.072.425.800
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Hùng Vương Tây Nam	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	9.428.570.000
		Cung cấp dịch vụ gia công	5.177.747.203

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, khoản phải thu (phải trả) bên liên quan được thể hiện như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghịệp vụ</i>	<i>Phải thu (Phải trả)</i>
<b><i>Phải thu khách hàng</i></b>			
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy sản An Giang	Bên liên quan	Bán thức ăn cá	24.635.047.170
Công ty TNHH Cao Trí	Sở hữu bởi Ông Nguyễn Văn Thắng, thành viên HĐQT	Bán thức ăn cá	344.922.624
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>24.979.969.794</u></b>
<b><i>Trả trước cho người bán</i></b>			
Công ty TNHH Cao Trí	Sở hữu bởi Ông Nguyễn Văn Thắng, thành viên HĐQT	Ứng trước mua nguyên vật liệu	<b><u>18.573.974.822</u></b>
<b><i>Phải trả người bán</i></b>			
Công ty Cổ phần Hùng Vương	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	122.365.664.705
DNTN Việt Tiến	Sở hữu bởi Ông Mã Minh Quang, thành viên Hội đồng quản trị ("HĐQT")	Mua nguyên vật liệu	3.111.764.702
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>125.477.429.407</u></b>
<b><i>Phải trả khác</i></b>			

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

DNTN Việt Tiến	Sở hữu bởi Ông Mã Minh Quang, thành viên nguyên liệu chưa có Hội đồng quản trị (“HĐQT”)	Tạm nhập mua hóa đơn	2.931.103.500
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>2.931.103.500</u></b>

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

### 2. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay và các khoản phải thu khác, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

#### **Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay, nợ và tiền gửi.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2012 và ngày 30 tháng 06 năm 2011.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 30 tháng 06 năm 2012 và 30 tháng 06 năm 2011.

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

#### Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các nghĩa vụ nợ ngắn hạn có lãi suất thả nổi của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan, bao gồm thị trường tiền tệ và kinh tế trong nước và quốc tế. Trên cơ sở đó, Công ty dự tính và điều chỉnh mức đòn bẩy tài chính cũng như chiến lược tài chính theo tình hình hiện tại.

#### Độ nhạy đối với lãi suất

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất cho các kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012 và ngày 30 tháng 06 năm 2011 vì đa phần các khoản vay trong giai đoạn này có lãi suất cố định.

#### Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền hạch toán của Công ty).

Công ty có rủi ro ngoại tệ do thực hiện mua và bán hàng hóa bằng các đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán của Công ty như được trình bày trong Thuyết minh số II.2. Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch mua và bán hàng hóa trong tương lai bằng ngoại tệ, ngoại trừ việc tăng tỷ lệ phòng ngừa rủi ro. Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

#### Độ nhạy đối với ngoại tệ

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, bảng dưới đây thể hiện độ nhạy của lợi nhuận trước thuế của Công ty (do sự thay đổi giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả) đối với các thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của tỷ giá USD và EUR. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái với các loại ngoại tệ khác của Công ty là không đáng kể.

			<i>VND</i>
	<i>Thay đổi tỷ giá USD</i>	<i>Thay đổi tỷ giá EUR</i>	<i>Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế</i>
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012			
	+2%	+1%	(4.069.733.944)
	-2%	-1%	4.069.733.944
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011			
	+2%	+1%	(2.956.826.816)
	-2%	-1%	2.956.826.816

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

#### *Rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hoá nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

#### *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

#### *Phải thu khách hàng*

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số V.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Giám đốc của Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt ngoại trừ các khoản phải thu sau đây được coi là quá hạn nhưng chưa bị suy giảm vào ngày 30 tháng 06 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011.

		<i>VND</i>	
	<i>Tổng cộng</i>	<i>Không quá hạn và không bị suy giảm</i>	<i>Quá hạn và không bị suy giảm</i>
30 tháng 06 năm 2012	332.404.673.238	329.058.348.907	3.346.324.331
31 tháng 12 năm 2011	195.629.110.852	192.818.366.476	2.810.744.376

#### *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ** (tiếp theo)

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt, các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	VNĐ		
	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Từ 1-5 năm</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>30 tháng 06 năm 2012</b>			
Các khoản vay và nợ	610.190.874.132	-	610.190.874.132
Phải trả người bán	248.954.514.169	-	248.954.514.169
Chi phí phải trả và chi phí trích trước khác	45.525.542.622	-	45.525.542.622
	<b>904.670.930.923</b>	<b>-</b>	<b>904.670.930.923</b>
<b>31 tháng 12 năm 2011</b>			
Các khoản vay và nợ	280.725.258.182	-	280.725.258.182
Phải trả người bán	70.104.051.142	-	70.104.051.142
Chi phí phải trả và chi phí trích trước khác	37.610.992.272	-	37.610.992.272
	<b>388.440.301.596</b>	<b>-</b>	<b>388.440.301.596</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

### **Tài sản đảm bảo**

Công ty đã sử dụng một phần khoản phải thu, hàng tồn kho, máy móc thiết bị, nhà xưởng, phương tiện truyền dẫn và thiết bị văn phòng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng (*Thuyết minh số V.13*).

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 30 tháng 06 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011.

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

### 3. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong các báo cáo tài chính của Công ty.

	<i>Giá trị ghi sổ</i>				<i>Giá trị hợp lý</i>	
	<i>30 tháng 06 năm 2012</i>		<i>31 tháng 12 năm 2011</i>		<i>30 tháng 06 năm 2012</i>	<i>31 tháng 12 năm 2011</i>
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>		
<b>Tài sản tài chính</b>						
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn						
- Tiền gửi ngắn hạn	-	-	4.200.000.000	-	-	4.200.000.000
Các khoản cho vay và phải thu						
- Phải thu khách hàng	317.199.815.730	(2.077.264.836)	183.681.276.258	(1.362.359.812)	315.122.550.894	182.318.916.446
- Phải thu khác	15.204.857.508	-	11.947.834.594	-	15.204.857.508	11.947.834.594
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán						
- Tiền và tương đương tiền	21.403.747.887	-	140.425.369.404	-	21.403.747.887	140.425.369.404
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>353.808.421.125</b>	<b>(2.077.264.836)</b>	<b>340.254.480.256</b>	<b>(1.362.359.812)</b>	<b>351.731.156.289</b>	<b>338.892.120.444</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>						
Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ						
- Vay và nợ	610.190.874.132	-	280.725.258.182	-	610.190.874.132	280.725.258.182
- Phải trả người bán	248.954.514.169	-	70.104.051.142	-	248.954.514.169	70.104.051.142
- Phải trả khác	45.525.542.622	-	37.610.992.272	-	45.525.542.622	37.610.992.272
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>904.670.930.923</b>	<b>-</b>	<b>388.440.301.596</b>	<b>-</b>	<b>904.670.930.923</b>	<b>388.440.301.596</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ** (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu được Công ty đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, các rủi ro cụ thể trong quốc gia, khả năng trả nợ vay của từng khách hàng và tính chất rủi ro của dự án được tài trợ. Trên cơ sở đánh giá này, Công ty ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày 31 tháng 03 năm 2012, giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.

#### 4. Thuê hoạt động

Công ty thuê đất đối với các diện tích đang sử dụng dưới hình thức thuê hoạt động. Công ty phải trả tiền thuê đất, phí sử dụng hạ tầng cho các hợp đồng thuê đất sau:

- Hợp đồng thuê lại đất của Công ty đầu tư phát triển nhà và Khu công nghiệp Đồng Tháp trong thời gian 46 năm kể từ ngày 24 tháng 12 năm 2002.

- Tổng diện tích đất thuê	6.811 m <sup>2</sup>
- Giá thuê	0,3 USD/ m <sup>2</sup> /năm
- Phí sử dụng hạ tầng	0,25 USD/ m <sup>2</sup> /năm

Công ty được giảm 50% tiền thuê đất trong 5 năm đầu tính từ ngày khởi công phân xưởng chính (ngày 24 tháng 12 năm 2002).

- Hợp đồng thuê lại đất, phí sử dụng hạ tầng của Công ty thương nghiệp xuất nhập khẩu tổng Hợp Đồng Tháp trong thời gian 45 năm kể từ ngày 10 tháng 10 năm 2005.

- Tổng diện tích đất thuê	63.971 m <sup>2</sup>
- Giá thuê	0,3 USD/ m <sup>2</sup> /năm
- Phí sử dụng hạ tầng	0,25 USD/ m <sup>2</sup> /năm

Công ty được giảm 100% tiền thuê đất trong 7 năm đầu tính từ ngày khởi công phân xưởng chính (ngày 10 tháng 10 năm 2005).

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang sẽ được thanh toán như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Từ 1 năm trở xuống	730.032.335	730.032.335
Trên 1 năm đến 5 năm	4.119.278.528	4.119.278.528
Trên 5 năm	34.926.151.147	35.441.060.963
<b>Cộng</b>	<b>39.775.462.010</b>	<b>40.290.371.826</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

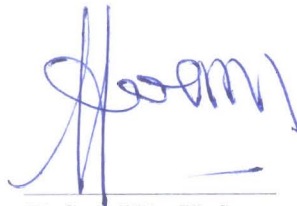
---

### 5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong các báo cáo tài chính.



Nguyễn Ngọc Thắm  
Người lập biểu



Huỳnh Văn Hoàng  
Kế toán trưởng



Sa Đéc, ngày 17 tháng 07 năm 2012



Nguyễn Quang Hiền  
Tổng Giám đốc